TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **70**/2023/DS-ST
Ngày: 27/9/2023

Về *"Yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản và chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Thường

Ông Vũ Trung Thành

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 27/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2020/TLST- DS, ngày 08/10/2020, về tranh chấp *"Yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản và chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-DS ngày 05/9/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2023/QĐST-DS ngày 15/9/2023, giữa:

** Nguyên đơn:* **Bà** Nguyễn Thị Mỹ T**,** sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1942. (Có mặt)

Địa chỉ: Văn phòng L1, đường N, Tổ B, khu phố A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

** Bị đơn:* **Bà** Trần Thị Mai H, sinh năm 1968; *(Đã chết)*

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thi Mai H*:*

- Ông Trương Thiên L, sinh năm 1994; (Vắng mặt)
- Trương Thị Hồng P, sinh năm 1998; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- Trương Thị Ánh H1, sinh năm 1989; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đ, Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

** Người có quyền lời và nghĩa vụ liên quan:* UBND huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, các văn bản trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn bà* Nguyễn Thị Mỹ T *và đại diện theo ủy quyền là ông* Nguyễn Văn N *trình bày như sau:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp quyền sử dụng 255,3m² diện tích đất (trong đó có 100m² đất thổ cư), có số thửa 850, tờ

bản đồ số 13, tọa lạc tại Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, theo Giấy chứng nhận quyền đất sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ, SHNƠ và TSKGLVĐ) số CE 239631, số vào sổ cấp GCN: 03382/Đồng Tiến ngày 30/12/2016, đứng tên bà Nguyễn Thị Mỹ T.

Nay bà T phát hiện bà Trần Thi Mai H – người sử dụng đất giáp ranh đã tiến hành trồng cây, xây kè, rào hàng rào bít kín mặt trước, ngăn cản không cho bà T ra vào mảnh đất của mình. Bà T đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ giải quyết hòa giải nhưng không có kết quả.

Do đó, bà Nguyễn Thi Mỹ T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Mai H (và hiện nay là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà H) phải tháo dỡ hàng rào, chướng ngại vật, cây trồng đã trồng, xây dựng trước mặt mảnh đất mảnh đất của bà T, chấm dứt việc ngăn cản bà T đi ra vào mảnh đất thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thi Mỹ T.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

** Bị đơn bà Trần Thị Mai H (trước khi chết) theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án trình bày:*

Bà Trần Thị Mai H và ông Trương Công H2 (hiện đã chết năm 2008), trước đây là vợ chồng. Năm 2008 thì ly hôn, khi ly hôn thì phần đất ông H2 được chia có con đường thuộc quyền sử dụng của ông H2, nhưng ông H2 dùng một phần đất để làm lối đi chung của các hộ gia đình và tách thửa bán đất cho các hộ phía trong. Những ai mua đất phía trong đều phải trả tiền mua đường đi (Vì đất vẫn trong sổ của ông H2). Hiện nay ông H2 đã chết thì con là Trương Thiên L kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H2.

Đối với phần đất của bà Nguyễn Thi Mỹ T trước đây là nhận sang nhượng từ bà Trương Thi N1, mảnh đất bà N1 có cạnh giáp ông T1 dài 25m, còn cạnh giáp đường 31m. Phần đất phía trước mà T tranh chấp là thuộc quyền của ông Trương Công H2. Những hộ sau khi nhận chuyển nhượng đất phía trong muốn đi qua đều phải bỏ tiền mua đất làm đường đi chung. Trong khi đó, phần giáp đường đi bà T chưa thương lượng để mua.

Do đó, bà H đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

** Ông Trương Thiên L, tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án trình bày:*

Ông Trương Thiên L là con của ông Trương Công H2 (đã chết năm 2008) và bà Trần Thị Mai H (chết ngày 21/02/2023). Ông H2 và bà H có 3 người con, gồm: Trương Thi Ánh H1, sinh năm 1989; Trương Thi Hồng P, sinh năm 1998 và anh L.

Về phần đất tranh chấp do bà Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện (khoảng 10x3,7m) là đất của ông Trương Công H2 được cấp quyền sử dụng, nhưng đã hiến đất cho Nhà nước để làm đường giao thông rộng 3m. Đối với phần đất (3,7x10m) mà bà T tranh chấp vẫn là đất trong sổ của ông H2. Nên nếu bà T muốn có phần đất giáp đường như trên thì bà T phải đổi cho ông L phần diện tích tương đương, hoặc phải trả cho ông L số tiền 400.000.000 đồng.

Về tài sản trên đất theo biên bản xem xét thẩm định của Tòa án là do bà H trồng. Hiện nay, so với thời điểm Tòa án xem xét thẩm định thì có 01 cây mít 5 năm tuổi và 01 cây mít 1 năm tuổi bị chết, nên ông L đã chặt bỏ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T thì ông Trương Thiên L không đồng ý. Ngoài ra, ông L không yêu cầu gì thêm.

** Bà Trương Thị Ánh H1, tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án trình bày:*

Bà Trương Thi Ánh H1 là con của bà Trần Thi Mai H, bà H mất ngày 21/02/2023. Đối với vụ việc bà Nguyên Thị Mỹ T2 kiện bà Trần Thị Mai H thì bà Trường Thị Ánh H3 đồng ý với ý kiến và yêu cầu của em trai là ông Trương Thiên L chứ không có yêu cầu gì thêm.

Do bận công việc nên bà H3 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

** Bà Trương Thị Hồng P, tại văn bản có trong hồ sơ vụ án trình bày:*

Bà Trương Thị Hồng P là con của bà Trần Thị Mai H, bà H mất ngày 21/02/2023. Đối với vụ việc bà Nguyên Thị Mỹ T2 kiện bà Trần Thị Mai H thì bà Trương Thi Hồng P đồng ý với ý kiến và yêu cầu của anh trai là ông Trương Thiên L chứ không có yêu cầu gì thêm.

Do bận công việc nên bà P đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại Công văn số: 1102/UBND-NC ngày 05 tháng 5 năm 2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Đ và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đường đi (đường nội bộ) thể hiện trong GCNQSDĐ số 000534/QSDĐ, ký cấp ngày 29/01/2011; GCNQSDĐ số BD 804665/QSDĐ, ký cấp ngày 20/6/2011; GCNQSDĐ số BA 091744/QSDĐ, ký cấp ngày 29/01/2011; GCNQSDĐ số CE 239631, ký cấp ngày 30/12/2016: Là đường nội bộ có nguồn gốc từ việc các hộ dân chừa đất để làm đường giao thông nông thôn trước năm 2011, con đường có chiều dài khoảng 250m đã được chỉnh lý trên Bản đồ đo đạc chính quy xã Đ là đường đi chung của các hộ dân. Qua kiểm tra rà soát không tìm thấy quyết định thu hồi đất; do đó không thể xác định được khi xét cấp các GCNQSDĐ nêu trên thì diện tích đất để làm đường đi (đường nội bộ) có bị thu hồi để làm đường đi không.

Theo quy định của pháp luật về đất đai và các văn bản có liên quan, trong trường hợp không có quyết định của Tòa án về việc hủy Giấy CNQSD đất thì Giấy CNQSD đất số BA 405342/QSDĐ, ký cấp ngày 23/5/2005 đứng tên hộ ông Trương Công H2 được điều chỉnh biến động trang 4 lần cuối ngày 08/02/2018 vẫn còn giá trị pháp lý. Trường hợp hết hạn sử dụng đất thì chủ sử dụng đất trực tiếp liên hệ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện Đ nộp hồ sơ xin gia hạn thời hạn sử dụng đất. Qua kiểm tra thì tại trang 4, Giấy CNQSD đất không còn dòng trống để xác nhận thay đổi. Do đó, căn cứ quy định tại ĐIểm I, khoản 2, Điều 17 Thông tư 23/2014-TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3 quy định về GCNQSDĐ, SHNƠ và TSKGLVĐ thì GCN nêu trên thuộc trường hợp phải thực hiện cấp đổi GCNQSDĐ, SHNƠ và TSKGLVĐ, lý do: Trang 4 không còn dòng trống để xác nhận thay đổi. Trong quá trình thực hiện thủ tục đo đạc cấp đổi Giấy CNQSD đất, cơ quan có thẩm quyền sẽ cập nhật diện tích đất làm đường đi (đường nội bộ) theo quy định.

Đối với vụ kiện thì UBND huyện không có ý kiến hay yêu cầu gì, đề nghị TAND huyện căn cứ vào các tình tiết, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận định, kết luận giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, UBND huyện xin vắng mặt trong các buổi hòa giải và trong quá trình xét xử vụ án cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền

lợi và nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ số 48 ngày 11/11/2020 đề nghị nguyên đơn cung cấp sơ đồ đo vẽ thể hiện diện tích đất tranh chấp. Tuy nhiên, ngày 13/11/2020 đại diện ủy quyền của nguyên đơn đã có đơn trình bày không cung cấp bản vẽ theo yêu cầu của Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn cũng không đồng ý cung cấp sơ đồ đo vẽ thể hiện diện tích đất tranh chấp cho Tòa án, nguyên đơn cho rằng không tranh chấp về đất nên không đồng ý với yêu cầu đo đạc của Tòa án.

Do đó, do đó không có cơ sở để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

** Về tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T; các văn bản có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Mai H (và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà H) phải tháo dỡ, di dời tài sản (hàng rào và cây trồng) trên đất, buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật theo Điều 169 Bộ luật Dân sự 2015, do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T thực hiện quyền khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự có sự không thống nhất về diện tích, vị trí quyền sử dụng đất của mình, nên có sự tranh chấp về quyền sử dụng đất. Để có cơ sở xem xét, buộc tháo dỡ và di dời tài sản gắn liền với đất hay không thì phải xem xét quyền sử dụng đất thuộc quyền của ai. Tuy nhiên, do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét về quyền sử dụng đất, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, do giới hạn về phạm vi xét xử, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất.

Căn cứ khoản 2 và khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Mai H do đã chết, nên căn cứ Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thông báo cho bà Trương Thị Hồng P, ông Trương Thiên L và bà Trương Thị Ánh H1 kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà H theo quy định. Tại phiên tòa, đối với bà Trương Thị Hồng P, bà Trương Thị Ánh H1 và Ủy ban nhân dân huyện Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với ông Trương Thiên L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo luật định.

** Về nội dung:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Mai H (Và hiện nay là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà H) tháo dỡ hàng rào, chướng ngại vật, cây trồng đã trồng, xây dựng trước mặt mảnh đất của bà T, chấm dứt việc ngăn cản bà T đi ra vào mảnh đất thuộc quyền sử dụng của bà T.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Nguyễn Thi Mỹ T được cấp quyền sử dụng đất diện tích 255,3m² (trong đó có 100m² đất thổ cư), có số thửa 850, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, theo GCNQSDĐ, SHNƠ và TSKGLVĐ số CE 239631, số vào sổ cấp GCN: 03382/Đồng Tiến ngày 30/12/2016, đứng tên bà Nguyễn Thi Mỹ T.

Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú: Phần đất của bà T đang sử dụng có tranh chấp với bà H thì hai bên không thống nhất được về ranh giới, mốc hiện trạng. Nguyên đơn cho rằng ranh giới phía Đông thửa đất là nền móng được xây bằng đá xanh, do nguyên đơn xây. Trong khi đó, bị đơn bà H khai phần ranh giới phía Đông của thửa đất bà T cách nền móng xây bằng đá xanh do nguyên đơn chỉ ranh có phần giáp với ông T1 dài thêm 70cm, phần giáp với ông Trương Thiên L dài thêm 90cm.

Do đó, phần đất do nguyên đơn chỉ mốc ranh giới có tứ cận xác định: Cạnh phía Đông giáp với đất ông Đ và phía Tây giáp đường đi rộng 10m; cạnh phía Nam giáp đất ông Trương Thiên L dài 27,8m; cạnh phía Bắc giáp đất ông T1 dài 27,5m.

Phần đất bị đơn bà H chỉ mốc ranh giới xác định: Cạnh phía Đông giáp với đất ông Đ và phía Tây giáp đường đi rộng 10m; cạnh phía Nam giáp đất ông Trương Thiên L dài 28,7m; cạnh phía Bắc giáp đất ông T1 dài 28,2m.

Phần diện tích đất tranh chấp: Bị đơn bà H đã xây hàng rào cạnh phía Tây giáp với đường đi là dài 10m, hàng rào kết cấu móng xây gạch ống cao 40cm, phía trên rào lưới B40 cao 1,5m, có 2 cột hàng rào xây bằng gạch 20x20cm, cao 1,5m.

Trên phần đất tranh chấp tại thời điểm xem xét, thẩm định có 01 cây mít 5 năm tuổi, 01 cây mít 3 năm tuổi, 01 cây mít 2 năm tuổi, 01 cây mít 1 năm tuổi. Hiện nay, ông Trương Thiên L khai có 01 cây mít 5 năm tuổi và 01 cây mít 1 năm tuổi đã bị chết, nên anh L đã chặt bỏ.

Theo GCNQSDĐ, SHNƠ và TSKGLVĐ số CE 239631, số vào sổ cấp GCN: 03382/Đồng Tiến ngày 30/12/2016, đứng tên bà Nguyễn Thi Mỹ T thì thể hiện diện tích, tứ cận như sau: Thửa đất số 850, tờ bản đồ số 13, diện tích 255,3m²; có tứ cận: Cạnh phía Đông và phía Tây dài 10m, phía Nam dài 26,07m; phía Bắc dài 25,09m.

Như vậy, hiện trạng diện tích quyền sử dụng đất qua xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án (cả do nguyên đơn và bị đơn xác định) và diện tích đất được cấp GCNQSDĐ, SHNƠ và TSKGLVĐ số CE 239631 cho nguyên đơn bà Nguyễn Thi Mỹ T có sự khác nhau về diện tích, tứ cận.

Trong khi đó, Tòa án đã ban hành Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ số 48/TB-TA ngày 11/11/2020, yêu cầu nguyên đơn bà Nguyễn Thi Mỹ T cung cấp cho Tòa án sơ đồ đo vẽ thể hiện diện tích và vị trí đất tranh chấp. Tuy nhiên, ngày 13/11/2020, nguyên đơn có văn bản trả lời ý kiến không đồng ý cung cấp sơ đồ đo vẽ cho Tòa án. Nguyên đơn cho rằng chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Mai H tháo dỡ hàng rào, di dời cây trồng trả lại mặt tiền thông thoáng cho bà T. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý hợp đồng đo vẽ, không cung cấp cho Tòa án chứng cứ sơ đồ đo vẽ, chỉ yêu cầu bà H (trước đây) và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà H (Hiện nay) phải di dời, tháo dỡ hàng rào và cây trồng trên đất, buộc chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật (căn cứ theo quy định tại Điều 169 Bộ luật Dân sự).

Do nguyên đơn không cung cấp cho Tòa án sơ đồ đo vẽ, chỉ cung cấp cho Tòa án GCNQSDĐ, SHNƠ và TSKGLVĐ đứng tên bà Nguyễn Thi Mỹ T. Trong khi đó hiện trạng sử dụng đất của bà T có sự khác biệt so với giấy chứng nhận được cấp. Do đó, không có cơ sở để xác định diện tích, vị trí quyền sử dụng đất mà bà T

được cấp quyền sử dụng và vị trí, diện tích đất có tranh chấp, về hàng rào và trồng cây trên đất có phải là nằm trên phần đất mà bà T được cấp quyền sử dụng hay không.

Trong khi đó, nguyên đơn cho rằng phần diện tích phía tiếp giáp với đường đi là của nguyên đơn; còn bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp là của ông Trương Công H2, nay ông H2 đã chết nên thuộc quyền của những người thừa kế là bà Trương Thị Hồng P, ông Trương Thiên L và bà Trương Thị Ánh H1. Do đương sự có tranh chấp về quyền sử dụng đất, nhưng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất, chỉ khởi yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Mai H (và người thừa kế) tháo dỡ hàng rào và di dời cây trồng, chấm dứt hành vi cản trở. Nguyên đơn cũng không đồng ý cung cấp sơ đồ đo vẽ, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: "*1. Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó.*

2. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội."

Điều 6 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: *"1. Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.*

Cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện, yêu cầu bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của người khác có quyền và nghĩa vụ thu thập, cung cấp chứng cứ, chứng minh như đương sự."

Do đó, việc quyết định khởi kiện là quyền của đương sự và việc thu thập, giao nộp (hay cung cấp) chứng cứ vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của đương sự nhằm chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Trường hợp đương sự không cung cấp chứng cứ cho Tòa án thì hậu quả pháp lý đương sự phải chịu trách nhiệm.

Từ những nhận định trên, do nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nên việc nguyên đơn khởi kiện như trên là không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Đối với bị đơn bà Trần Thị Mai H (và người thừa kế của bà H hiện nay là bà Trương Thị Hồng P, ông Trương Thiên L và bà Trương Thị Ánh H1), do không có đơn phản tố mà chỉ trình bày ý kiến và yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú phát biểu về quan điểm giải quyết nội dung vụ án như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Là 1.500.000 đồng, nguyên đơn phải chịu. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền trên, nên đã thực hiện xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 và khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các điều 5, 6, 74, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 169 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 12, Điều 166, Điều 202, Điều 203 của Luật Đất đai;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thi Mỹ T,

Về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Mai H tháo dỡ hàng rào, chướng ngại vật, cây trồng đã trồng, xây dựng trước mặt mảnh đất của bà T, chấm dứt việc ngăn cản bà T đi ra vào mảnh đất thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thi Mỹ T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T phải nộp phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí dân sự còn lại là 700.000 đồng *(Bảy trăm ngàn đồng)*, theo biên lai thu tiền số 0004326, quyển số 0087, ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa khi tuyên án được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Đồng Phú;*
- *THADS huyện Đồng Phú;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Sơn